

Số: /KH-UBND

Quảng Minh, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH Thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 19/02/2024 của UBND thị xã Việt Yên về việc thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2024; Ủy ban nhân dân phường Quảng Minh xây dựng Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2024 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân tự vươn lên thoát nghèo. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

Phấn đấu hết năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo toàn phường giảm còn 0,43%; cơ bản toàn phường không còn hộ nghèo (*trừ các trường hợp hưởng bảo trợ xã hội, không có khả năng thoát nghèo*). Xóa 100% nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Chỉ tiêu

2.1 Chỉ tiêu chung trên địa bàn phường:

- Cuối năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo chung trên địa bàn phường giảm còn 0,43%.
- Cuối năm 2024 tỷ lệ hộ cận nghèo chung trên địa bàn phường còn 0,97%.
- Giải quyết thủ tục cho vay vốn cho 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu và điều kiện vay vốn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xuất khẩu lao động... từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi.
- Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp thẻ Bảo hiểm y tế và được hưởng một số chính sách theo quy định trong khám, chữa bệnh.
- Vận động 100% hộ mới thoát nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình mua thẻ Bảo hiểm y tế (được ngân sách Nhà nước và ngân sách tỉnh hỗ trợ một phần kinh phí).
- Học sinh là con em hộ nghèo đều được hỗ trợ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và một số khoản đóng góp khác.
- Duy trì chỉ tiêu người nghèo được tiếp cận với các dịch vụ thông tin và chỉ tiêu hộ nghèo được sử dụng nước hợp vệ sinh và vệ sinh môi trường.

2.2 Chỉ tiêu cụ thể giao các tổ dân phố: (Có biểu 01, 02, 03 kèm theo).

II. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HỘ NGHÈO NĂM 2023

1. Hộ nghèo năm 2023 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thị xã có 17 hộ nghèo với 29 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 0,57%.

2. Hộ cận nghèo có 44 hộ với 141 nhân khẩu, chiếm tỷ lệ 1,47%.

Trong đó:

- Hộ nghèo thuộc diện bảo trợ xã hội và các đối tượng khó thoát nghèo: 13 hộ; Hộ nghèo có khả năng thoát nghèo: 04 hộ.

- Kết quả đo lường về mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo:

- + Thiếu hụt chỉ số việc làm: 03 hộ, tỷ lệ 58,8%;
- + Thiếu hụt chỉ số người phụ thuộc: 16 hộ, tỷ lệ 94,12%;
- + Thiếu hụt chỉ số dinh dưỡng: 00 hộ, tỷ lệ 00%;
- + Thiếu hụt chỉ số bảo hiểm y tế: 00 hộ, tỷ lệ 00%;
- + Thiếu hụt chỉ số trình độ giáo dục của người lớn: 00 hộ, tỷ lệ 00%;
- + Thiếu hụt chỉ số tình trạng đi học của trẻ em: 00 hộ, tỷ lệ 0,0%;
- + Thiếu hụt chỉ số chất lượng nhà ở: 04 hộ, tỷ lệ 57,14%;
- + Thiếu hụt chỉ số diện tích nhà ở bình quân đầu người: 02 hộ, tỷ lệ 28,57%;
- + Thiếu hụt chỉ số nguồn nước sinh hoạt: 00 hộ, tỷ lệ 00%;
- + Thiếu hụt chỉ số nhà tiêu hợp vệ sinh: 03 hộ, tỷ lệ 42,86%;
- + Thiếu hụt chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông: 12 hộ, tỷ lệ 70,59%;
- + Thiếu hụt chỉ số phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 12 hộ, tỷ lệ

70,59%.

- Kết quả đo lường về mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo:

- + Thiếu hụt chỉ số việc làm: 04 hộ, tỷ lệ 0,10%;
- + Thiếu hụt chỉ số người phụ thuộc: 33 hộ, tỷ lệ 73,81%;
- + Thiếu hụt chỉ số dinh dưỡng: 00 hộ, tỷ lệ 00%;
- + Thiếu hụt chỉ số bảo hiểm y tế: 00 hộ, tỷ lệ 00%;
- + Thiếu hụt chỉ số trình độ giáo dục của người lớn: 00 hộ, tỷ lệ 00%;
- + Thiếu hụt chỉ số tình trạng đi học của trẻ em: 00 hộ, tỷ lệ 00%;
- + Thiếu hụt chỉ số chất lượng nhà ở: 02 hộ, tỷ lệ 4,76%;
- + Thiếu hụt chỉ số diện tích nhà ở bình quân đầu người: 03 hộ, tỷ lệ 7,14%;
- + Thiếu hụt chỉ số nguồn nước sinh hoạt: 00 hộ, tỷ lệ 00%;
- + Thiếu hụt chỉ số nhà tiêu hợp vệ sinh: 00 hộ, tỷ lệ 00%;
- + Thiếu hụt chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông: 07 hộ, tỷ lệ 16,67%;
- + Thiếu hụt chỉ số phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 06 hộ, tỷ lệ 13,64%.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, người dân về giảm nghèo và an sinh xã hội

- Tổ chức thực hiện đa dạng các hình thức tuyên truyền phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu của công tác giảm nghèo đa chiều gắn với xây dựng đô thị văn minh.

- Tăng cường tuyên truyền về giảm nghèo từ phường đến tổ dân phố; xây dựng chuyên mục biểu dương về các cá nhân, hộ gia đình tiêu biểu vươn lên thoát nghèo các phương tiện truyền thông.

- Xây dựng và củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động giảm nghèo của các ngành, đoàn thể từ phường cũng như đến các chi hội ở các tổ dân phố.

2. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tăng thu nhập cho người nghèo

2.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo

- Thực hiện chính sách tín dụng đối với hộ nghèo; trong giai đoạn, đẩy mạnh việc hỗ trợ hộ nghèo, học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi theo quy định.

- Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người nghèo, người khuyết tật, người có đất canh tác Nhà nước thu hồi,...trong giai đoạn 2022-2025.

2.2. Hỗ trợ về giáo dục - đào tạo, y tế

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách ưu đãi về giáo dục đối với học sinh, sinh viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ.

- Huy động các nguồn xã hội hóa nhằm quan tâm hỗ trợ các điều kiện học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Cấp thẻ bảo hiểm y tế đầy đủ, kịp thời cho 100% người nghèo, cận nghèo.

- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất giáo dục, y tế; chất lượng giáo dục, dịch vụ y tế, khám chữa bệnh, tạo điều kiện để mọi người dân được tiếp cận.

2.3. Hỗ trợ về nhà ở, điện, nước sinh hoạt

- Thực hiện hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, phấn đấu hết năm 2024 xóa nhà tạm, nhà dột nát xuống cấp cho 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch, nước hợp vệ sinh cho hộ nghèo; tuyên truyền, vận động, nâng cao ý thức của người dân về sinh hoạt hợp vệ sinh, bảo vệ cảnh quan, môi trường và sức khỏe.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách về hỗ trợ tiền điện sinh hoạt cho người nghèo.

2.4. Hỗ trợ người nghèo tiếp cận thông tin

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo lắp đặt mạng internet, trang bị điện thoại thông minh để người nghèo được tiếp cận với nguồn thông tin trên internet và

các chính sách trợ giúp của Nhà nước giúp người nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp các thiết chế văn hóa ở cơ sở, đa dạng hóa các hoạt động thông tin, tuyên truyền.

3. Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, khen thưởng

- Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá hàng năm các chỉ tiêu, mục tiêu, lộ trình thực hiện với mục tiêu xóa hộ nghèo vào năm 2025.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả giảm nghèo hằng năm; biểu dương khen thưởng các tập thể, cá nhân, các hộ gia đình thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự phối hợp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác giảm nghèo và an sinh xã hội. Phát huy vai trò tham mưu của các cơ quan chức năng để thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo.

- Phát huy hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025; xây dựng quy chế phối hợp với Ban vận động “Vì người nghèo” cùng cấp để kết hợp chặt chẽ giữa nguồn đầu tư từ ngân sách với nguồn lực xã hội trong công tác giảm nghèo.

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo phù hợp, phân tích cụ thể mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của 06 lĩnh vực: **Việc làm, Y tế, Giáo dục, Nhà ở, Nước sinh hoạt và vệ sinh, Tiếp cận thông tin** để có giải pháp giảm nghèo cụ thể cho từng hộ nghèo theo các hướng:

+ **Đối với hộ nghèo có khả năng lao động:** Tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho hộ nghèo phát triển sản xuất, vay vốn ưu đãi, gắn với việc hướng dẫn cách làm ăn, hướng dẫn chuyên gia khoa học công nghệ, cung cấp các thông tin khoa học và kỹ thuật cho người lao động, tập huấn kiến thức và kỹ năng về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cho người lao động thuộc hộ nghèo trên cơ sở mô hình thực tế. Tạo điều kiện cho người lao động thuộc hộ nghèo tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức sản xuất nông nghiệp quy mô hộ gia đình. Tạo điều kiện cho người lao động thuộc hộ nghèo tham gia các lớp đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động và có định hướng cho các lao động nghèo tham gia. Phân công cụ thể cho các tổ chức, đoàn thể... giúp đỡ hộ nghèo có địa chỉ vươn lên thoát nghèo.

+ **Đối với hộ nghèo không có khả năng lao động, chủ yếu là người cao tuổi, người khuyết tật:** Vận động con cháu, người thân, họ hàng... quan tâm giúp đỡ, đưa các thành viên hộ nghèo là người già, người khuyết tật... về chăm sóc, phụng dưỡng. Tập trung kêu gọi, vận động nguồn lực hỗ trợ thu nhập cho các hộ nghèo bảo trợ xã hội.

+ **Đối với hộ nghèo có khó khăn về nhà ở, công trình vệ sinh, nước sinh hoạt và các thiếu hụt khác:** Tập trung kêu gọi, vận động mọi nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để kịp thời hỗ trợ cho hộ nghèo trên địa bàn có cuộc sống tốt hơn, góp phần thực hiện các quy định của tiêu chí nông thôn mới.

2. Công tác tuyên truyền

- Đẩy mạnh tuyên truyền mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân và người nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo, tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước, của cộng đồng để thoát nghèo, vươn lên trong cuộc sống.

- Tuyên truyền thực hiện tốt phong trào thi đua *“Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”*; tôn vinh doanh nghiệp, tập thể cá nhân có nhiều đóng góp về nguồn lực, cách làm hiệu quả trong công tác giảm nghèo và an sinh xã hội.

3. Về cơ chế chính sách

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách giảm nghèo nhằm tạo điều kiện để hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội. Tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của cộng đồng để các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

- Mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của chương trình giảm nghèo từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và tính trách nhiệm trong suốt quá trình thực hiện.

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ tạo sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thông qua các chương trình, dự án, mô hình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dựa trên quy hoạch sản xuất; hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tự nguyện đăng ký tham gia chương trình thông qua nhóm hộ, cộng đồng; nguồn vốn hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước, vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn lồng ghép thực hiện các chính sách, nguồn vốn đối ứng của hộ gia đình; thu hồi, luân chuyển một phần chi phí hỗ trợ (từ nguồn vốn Ngân sách Nhà nước) phù hợp với từng chương trình và điều kiện cụ thể của từng đối tượng được hỗ trợ, nhằm nhân rộng mô hình cho nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật được tham gia.

4. Về huy động nguồn lực

- Đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí Trung ương, của Tỉnh cân đối nguồn kinh phí địa phương phân bổ hàng năm thực hiện đạt kế hoạch đã đề ra;

- Đảm bảo tính xã hội hóa cao, nhằm huy động sức mạnh của cộng đồng xã hội để hỗ trợ có hiệu quả cho người lao động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới

thoát nghèo, người khuyết tật;

- Mở rộng các hình thức kêu gọi, huy động nguồn lực để tạo được nhiều nguồn lực từ nguồn xã hội hóa giúp đỡ các hộ nghèo thoát nghèo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Văn hóa – Xã hội (phụ trách LĐTĐ&XH)

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đoàn thể liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội; phối hợp thực hiện các chính sách giảm nghèo thường xuyên như vay vốn, hỗ trợ giáo dục, trợ giúp pháp lý, y tế, điện, một số dự án, tiêu dự án, mô hình giảm nghèo, phối hợp tổ chức dạy nghề cho người nghèo; Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ đối với hộ nghèo, cận nghèo, các đối tượng Bảo trợ xã hội đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định.

- Phối hợp với các ngành, đoàn thể, các tổ dân phố theo dõi, kiểm tra và tham mưu cho Ủy ban nhân dân phường giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội định kỳ, đột xuất với Đảng ủy, UBND phường, cấp trên theo quy định.

- Tổ chức rà soát nhu cầu học nghề của người lao động, phối hợp với cơ sở dạy nghề tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề dưới 3 tháng, trong đó ưu tiên người nghèo, cận nghèo, người khuyết tật. Vận động các doanh nghiệp và các nhà hảo tâm, cơ quan, đơn vị giúp đỡ hộ nghèo để giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

- Tham mưu cho UBND phường thực hiện tốt công tác đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình. Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mức sống trung bình tham gia Bảo hiểm xã hội.

2. Công chức Địa chính – Xây dựng

Phối hợp với các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan và Tổ trưởng TDP đề hướng dẫn, làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho các hộ gia đình thuộc diện chính sách được hỗ trợ nhà ở nhưng chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở.

3. Công chức Tài chính – Kế toán

Phối hợp với cán bộ Lao động- Thương binh và Xã hội tổng hợp, tham mưu UBND phường bố trí nguồn kinh phí để thực hiện kế hoạch.

4. Công chức Tư pháp – Hộ tịch

Phối hợp tổ chức triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo, giúp người nghèo nắm bắt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách Pháp luật của Nhà nước.

5. Công chức Văn hóa – Xã hội

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách giảm nghèo nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, ý nghĩa của chương trình mục tiêu giảm nghèo; tuyên truyền các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả về giảm nghèo; tuyên truyền về kết quả hoạt động của chương trình, thông qua đó nâng cao trách nhiệm về công tác giảm nghèo cho toàn xã hội.

6. Trạm y tế phường

Tham mưu và trực tiếp chỉ đạo chính sách hỗ trợ người nghèo trong khám, chữa bệnh; chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng, vệ sinh môi trường. Nâng cao chất lượng, hiệu quả chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em và người khuyết tật.

7. Các nhà trường

Thực hiện tốt các chính sách trợ giúp trong giáo dục cho các em học sinh hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo; xây dựng kế hoạch và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tránh nguy cơ học sinh nghèo do quá khó khăn dẫn đến bỏ học. Đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận lĩnh vực giáo dục.

8. Công an phường:

Phối hợp với các ngành chức năng tăng cường đấu tranh, kiểm chế, giảm thiểu các tệ nạn xã hội và tai nạn giao thông, để hạn chế phát sinh hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ bảo trợ xã hội, góp phần ổn định xã hội, nâng cao đời sống dân cư.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường và các đoàn thể

- Chỉ đạo, phân công cụ thể cho các tổ chức, đoàn thể các thôn giúp đỡ hộ nghèo có địa chỉ vươn lên thoát nghèo (*phụ lục kèm theo*). Căn cứ vào kết quả giúp đỡ để đánh giá thi đua của các tổ chức, đoàn thể các tổ dân phố hàng năm.

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tiếp tục hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua, như: Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*”; Phong trào thi đua “*Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau*”; phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”; các hoạt động “*Vì người nghèo*”, Tháng cao điểm “*Vì người nghèo*”; công tác an sinh xã hội; “*Quỹ khuyến học*”, “*Quỹ tín dụng cho người nghèo*”; chỉ đạo xây dựng các mô hình giảm nghèo; tăng cường công tác giám sát và phản biện xã hội.

- Chủ trì kêu gọi các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng nhà ở thiết yếu, hỗ trợ liên kết phát triển sản xuất, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo nghề miễn phí và ưu tiên nhận lao động nghèo vào làm việc để tăng thu nhập cho hộ nghèo, góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững.

- Các hội đoàn thể nhận ủy thác của Ngân hàng chính sách xã hội huy động nguồn vốn đảm bảo thực hiện tốt việc cho vay tín dụng ưu đãi hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác; quản lý vốn và thực hiện cho vay đúng

quy định, đối tượng, tạo điều kiện cho người nghèo, người cận nghèo vay vốn nhanh gọn, hiệu quả.

10. Các tổ dân phố

Trên cơ sở kết quả, số liệu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025 tại các tổ dân phố, tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung, giải pháp giảm nghèo và xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội cho từng nhóm hộ cụ thể; trong đó phân tích nguyên nhân nghèo của các hộ để có giải pháp phù hợp hỗ trợ hộ thoát nghèo bền vững.

11. Thành viên Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025 phường

Theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình lồng ghép triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo và an sinh xã hội năm 2024, đề nghị các ngành, đoàn thể, đơn vị, các tổ dân phố nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng Lao động- TB&XH (B/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND phường (B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND phường;
- UBMTTQ xã và các Đoàn thể phường;
- Các ngành liên quan;
- Bí thư chi bộ; Trưởng các tổ dân phố;
- Thành viên BCĐ phường;
- Lưu: VT, LĐ.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hương

PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO NĂM 2024*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày 22 /02/2024 của UBND phường Quảng Minh)*

TT	Thôn	Tổng số hộ dân cư	HỘ NGHÈO						HỘ CẬN NGHÈO					
			Phê duyệt cuối năm 2023		Có khả năng thoát nghèo 2024		Cuối năm 2024		Phê duyệt cuối năm 2023		Có khả năng thoát cận nghèo 2024		Cuối năm 2024	
			Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	TDP Khả Lý Thượng	1.011	7	0.69	01	0.10	06	0.59	15	1.48	04	0.40	11	1.09
2	TDP Khả Lý Hạ	494	0	0.00	00	0.00	00	0.00	2	0.40	00	0.00	02	0.40
3	TDP Đông Long	802	7	0.87	01	0.12	06	0.75	19	2.37	08	1.00	11	1.37
4	TDP Đình Cả	430	2	0.47	02	0.47	00	0.00	4	0.93	02	0.47	02	0.47
5	TDP Kẽ	254	1	0.39	00	0.00	01	0.39	4	1.57	01	0.39	03	1.18
	Cộng	2.991	17	0.57	04	0.13	13	0.43	44	1.47	15	0.50	29	0.97

